

**Biểu 55: Tỷ lệ hộ DTTS có nuôi, nhốt gia súc, gia cầm dưới gầm nhà**

Đơn vị tính: %

STT	Tên Dân tộc	Tỷ lệ hộ có nuôi nhốt gia súc, gia cầm dưới gầm nhà
<b>Chung cho các hộ dân tộc thiểu số theo DT DTTS 2015</b>		<b>30,9</b>
1	Tày	35,1
2	Thái	46,9
3	Mường	20,1
4	Khmer	20,1
5	Hoa	3,6
6	Nùng	40,5
7	Mông	50,9
8	Dao	35,2
9	Gia Rai	31,2
10	Ê Đê	18,5
11	Ba Na	22,9
12	Sán Chay	25,2
13	Chăm	16,5
14	Cơ Ho	18,3
15	Xơ Đăng	26,0
16	Sán Dìu	15,0
17	Hrê	41,6
18	Raglay	21,8
19	Mnông	23,7
20	Thổ	27,0
21	Xtiêng	10,7
22	Khơ mú	33,4
23	Bru Vân Kiều	32,8
24	Cơ Tu	19,2
25	Giáy	42,2
26	Tà Ôi	42,6
27	Mạ	14,5
28	Gié Triêng	13,1
29	Co	27,5
30	Chơ Ro	21,0
31	Xinh Mun	39,7
32	Hà Nhì	55,6
33	Chu Ru	32,0
34	Lào	54,9
35	La Chí	59,6
36	Kháng	69,8
37	Phù Lá	39,3
38	La Hủ	34,7
39	La Ha	55,5
40	Pà Thên	23,6
41	Lự	64,0
42	Ngái	34,7

STT	Tên Dân tộc	Tỷ lệ hộ có nuôi nhốt gia súc, gia cầm dưới gầm nhà
43	Chứt	20,5
44	Lô Lô	63,9
45	Mảng	29,9
46	Cơ Lao	38,6
47	Bố Y	17,6
48	Cống	53,9
49	Si La	49,1
50	Pu Péo	32,4
51	Rơ Măm	27,7
52	Brâu	5,6
53	Ơ Đu	44,9